

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 272/2022/HS-PT  
Ngày 01-12-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Sỹ Trứ

Ông Lê quân Vương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 269/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Hoàng Thị T. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo bị kháng nghị:**

Hoàng Thị T sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm , xã, huyện, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Kim Thị N; có chồng là Ngô Văn S (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 8 năm 2022 đến nay, có mặt.

Ngoài ra, có 01 bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Hoàng Thị T nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup> tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và được cấp 01

(một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có thông tin tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là: “Hoàng Thị T, năm sinh: 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”, thửa đất số 4109, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu DC ấp 5B, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, sổ vào sổ cấp GCN: CS 46430, sổ chứng nhận: CN 376339, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/08/2018.

Đến khoảng đầu năm 2019, do cần tiền để trả nợ nên T đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đi cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank, chi nhánh Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vì lo sợ sự việc trên bị gia đình phát hiện nên T đã nảy sinh ý định lên mạng xã hội nhờ người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích thay thế giấy chứng nhận thật đã mang đi cầm cố tại ngân hàng để che giấu không cho gia đình biết. Thực hiện ý định trên, T sử dụng mạng xã hội tìm hiểu và liên hệ với một đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) để đặt làm giả 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên “Hoàng Thị T, năm sinh 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” với giá 2.000.000 đồng.

Đến ngày 09/11/2020, do T cần tiền để làm vốn kinh doanh buôn bán nên T đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T đã đặt làm giả trước đó để làm tài sản thế chấp nhằm thực hiện việc vay tiền của ông Lê Đức T1 (sinh năm: 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Lĩnh, xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền được lập vào ngày 09/11/2020, thời hạn vay đến ngày 09/01/2021.

Đến ngày 09/01/2021, do T không có tiền để trả lại cho ông T1 nên T và ông T1 thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 4109, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại khu dân cư ấp 5B, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị T, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 46430, sổ chứng nhận: CN 376339, có đóng dấu mộc đỏ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương mà T đã thế chấp cho ông T1 trước đó, giá trị chuyển nhượng là 1.100.000.0000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), theo đó số tiền 200.000.000 đồng mà ông T1 đã cho T vay trước đó sẽ chuyển thành tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến ngày 18/01/2021, trong lúc ông T1 kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã thế chấp cho ông trước đó thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đề ngày tháng năm, nghi vấn có dấu hiệu làm giả nên ông T1 yêu cầu T đi kiểm tra thì lúc này T thừa nhận với ông T1 giấy tờ trên

là giả nên ông T1 đến Cơ quan Công an phường Bình Hòa, thành phố Thuận An để trình báo sự việc trên.

Tại Kết luận giám định số 171/GĐ-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” mang tên Hoàng Thị T, sinh năm: 1984, CCCD: 036184008919, đề năm 2018 (ký hiệu A) là *giả*, phôi và hình dấu tròn trên tài liệu giám định (ký hiệu A) *được tạo bằng phương pháp in phun màu điện tử*.

Tại Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 01/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An và Công văn số 49/CV-VKS-TA ngày 08/8/2022 đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại số tiền 200.000.000 đồng và không yêu cầu gì đối với vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341, Điều 54, Điều 55, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 62/QĐ-VKSBD kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hoàng Thị T theo hướng tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An,

tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 05 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung 02 tội là 06 năm tù. Ngày 11/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành kháng nghị phúc thẩm số 62/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T, theo hướng từ tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự sang tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội danh này. Bị cáo Hoàng Thị T đã có hành vi cung cấp thông tin cho một đối tượng (không rõ nhân thân) để đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên “Hoàng Thị T, năm sinh: 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”. Sau đó, bị cáo T đã thực hiện hành vi dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nhằm mục đích làm tài sản cầm cố nhằm thực hiện việc vay tiền của ông Lê Đức T1 với số tiền 200.000.000 đồng rồi chuyển sang tiền đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T1 để chiếm đoạt số tiền trên.

Như vậy, hành vi bị cáo T đã thực hiện là chuỗi các hành vi có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi trước (cung cấp thông tin cá nhân là đồng phạm hành vi làm giả) là điều kiện để thực hiện hành vi sau, hành vi sau là hậu quả tất yếu của hành vi trước (hành vi làm tài liệu giả; hành vi sử dụng tài liệu giả) đã thỏa mãn các dấu hiệu của tội làm giả và sử dụng tài liệu giả với mục đích cuối cùng của bị cáo là sử dụng được tài liệu giả này để thực hiện cho hành vi của tội phạm rất nghiêm trọng khác là lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị 200.000.000 đồng. Đồng thời, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là tội danh ghép được quy định trong cùng một điều luật (Điều 341 Bộ luật Hình sự), các hành vi trên cùng xâm phạm một khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý về con dấu, tài liệu. Đồng thời, bị cáo sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng là tội phạm rất nghiêm trọng. Do vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hoàng Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và chưa đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị

của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T, theo hướng từ tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự sang tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội danh này: mức án đề nghị từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: vì lo sợ bị gia đình phát hiện việc mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố tại Ngân hàng nên bị cáo Hoàng Thị T đã lên mạng xã hội Facebook nhờ đối tượng không rõ lai lịch làm giả 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên “Hoàng Thị T, năm sinh 1984, CCCD số: 036184008919, địa chỉ thường trú: xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tài sản thế chấp nhằm chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Lê Đức T1. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không đồng ý cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, bởi vì hành vi của bị cáo thỏa mãn yếu tố cấu thành tội danh ghép là “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 01/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ

chức”, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tuy nhiên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử bị cáo T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là không phù hợp, vượt quá giới hạn của cáo trạng truy tố bị cáo. Đồng thời, bị cáo Hoàng Thị T có hành vi cung cấp thông tin cá nhân để thuê đối tượng trên mạng xã hội để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại nên đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 62/QĐ-VKSBD ngày 11/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341, Điều 54, Điều 55, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2022.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Hoàng Thị T không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, TTPT (2), NMT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Đức**

**THẨM PHÁN THÀNH VIÊN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**



**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Lê Sỹ Trứ**

**Nguyễn Thị Sang**

**Nguyễn Huỳnh Đức**

